

ĐỀ THI HỌC KÌ I – Đề số 1**Môn: Địa Lí - Lớp 10****Bộ sách: Cánh diều****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****Mục tiêu**

- Ôn tập các kiến thức cuối học kì 1 của chương trình sách giáo khoa Địa Lí.
- Vận dụng linh hoạt lý thuyết đã học trong việc giải quyết các câu hỏi trắc nghiệm môn Địa Lí.
- Tổng hợp kiến thức dạng hệ thống, dàn trải các kiến thức cuối học kì 1 – chương trình Địa Lí 10.

Phần trắc nghiệm (6 điểm) Chọn câu trả lời đúng trong mỗi câu sau:**Câu 1:** Thứ tự từ xích đạo về cực là các khối khí

- A. Xích đạo, chí tuyến, ôn đới, cực.
- B. Xích đạo, ôn đới, chí tuyến, cực.
- C. Xích đạo, cực, ôn đới, chí tuyến.
- D. Xích đạo, chí tuyến, cực, ôn đới.

Câu 2: Trên Trái Đất không có khối khí nào sau đây?

- A. Chí tuyến lục địa.
- B. Xích đạo lục địa.
- C. Ôn đới lục địa.
- D. Cực lục địa.

Câu 3: Trị số khí áp tỉ lệ

- A. nghịch với tỉ trọng không khí.
- B. thuận với nhiệt độ không khí.
- C. thuận với độ ẩm tuyệt đối.
- D. nghịch với độ cao cột khí.

Câu 4: Khí áp tăng khi

- A. nhiệt độ giảm.
- B. nhiệt độ tăng.
- C. độ cao tăng.
- D. khô hạn giảm.

Câu 5: Thủy quyển là lớp nước trên Trái Đất bao gồm nước ở

- A. biển, đại dương; nước ngầm, băng tuyết; nước sông, suối, hồ.
- B. biển, đại dương; nước trên lục địa, hơi nước trong khí quyển.
- C. sông, suối, hồ; băng tuyết, nước trong các đại dương, hơi nước.
- D. sông, suối, hồ; nước ngầm; nước trong các biển và đại dương.

Câu 6: Sự thay đổi của lưu lượng nước sông có tính chu kì trong năm gọi là

- A. dòng chảy mặt.

- B. nguồn cấp nước.
- C. chế độ nước.
- D. lưu vực nước.

Câu 7: Nguyên nhân chủ yếu tạo nên sóng biển là do

- A. mưa.
- B. núi lửa.
- C. động đất.
- D. gió.

Câu 8: Dao động thủy triều lớn nhất ở trong trường hợp Mặt Trăng, Mặt Trời, Trái Đất nằm

- A. vuông góc với nhau.
- B. thẳng hàng với nhau.
- C. lệch nhau góc 45 độ.
- D. lệch nhau góc 60 độ.

Câu 9: Thổ nhưỡng là lớp vật chất

- A. tơi xốp ở bề mặt lục địa.
- B. rắn ở bề mặt vỏ Trái Đất.
- C. mềm bở ở bề mặt lục địa.
- D. vụn ở bề mặt vỏ Trái Đất.

Câu 10: Căn cứ vào yếu tố nào sau đây để phân biệt đất với đá, nước, sinh vật, địa hình?

- A. Độ ẩm.
- B. Độ rắn.
- C. Độ phì.
- D. Nhiệt độ.

Câu 11: Lớp vỏ địa lí có giới hạn trùng hợp hoàn toàn với lớp vỏ bộ phận nào sau đây?

- A. Khí quyển.
- B. Thạch quyển.
- C. Sinh quyển.
- D. Thổ nhưỡng quyển.

Câu 12: Chiều dày của vỏ địa lí khoảng từ

- A. 20-25km.
- B. 25-30km.
- C. 30-35km.
- D. 35-40km.

Câu 13: Quy luật địa đới là sự thay đổi có tính quy luật của các đối tượng địa lí theo

- A. vĩ độ.
- B. độ cao.
- C. kinh độ.
- D. các mùa.

Câu 14: Trong tự nhiên, một thành phần thay đổi sẽ dẫn đến sự thay đổi của các thành phần còn lại là biểu hiện của quy luật

- A. địa đới.
- B. địa ô.
- C. thống nhất.
- D. đai cao.

Câu 15: Nhận định nào sau đây không đúng về hơi nước trong khí quyển?

- A. Chiếm tỉ lệ tương đối nhỏ, chưa đến 1%.
- B. Không thể nhìn thấy bằng mắt thường.
- C. Vai trò quan trọng với khí hậu toàn cầu.
- D. Phân bố không đồng đều trên Trái Đất.

Câu 16: Các vành đai áp nào sau đây được hình thành do nhiệt lực?

- A. Xích đạo, chí tuyến.
- B. Chí tuyến, cực.
- C. Cực, xích đạo.
- D. Ôn đới, chí tuyến.

Câu 17: Nơi nào sau đây có nhiều mưa?

- A. Khu khí áp thấp.
- B. Khu khí áp cao.
- C. Miền có gió Mậu dịch.
- D. Miền có gió Đông cực.

Câu 18: Ở miền khí hậu nóng, nhân tố chủ yếu tác động đến chế độ nước sông là

- A. nước ngầm.
- B. chế độ mưa.
- C. địa hình.
- D. thực vật.

Câu 19: Nguyên nhân gây ra thủy triều là do

- A. sức hút của Mặt Trăng, Mặt Trời.
- B. sức hút của hành tinh ở thiên hà.
- C. hoạt động của các dòng biển lớn.
- D. hoạt động của núi lửa, động đất.

Câu 20: Nhận định nào sau đây đúng nhất với sinh quyển?

- A. Thực vật không phân bố đều trong toàn bộ chiều dày của sinh quyển.
- B. Sinh vật không phân bố đều trong toàn bộ chiều dày của sinh quyển.
- C. Vi sinh vật không phân bố đều trong toàn bộ chiều dày của sinh quyển.
- D. Động vật không phân bố đều trong toàn bộ chiều dày của sinh quyển.

Câu 21: Nhận định nào sau đây không đúng với lớp vỏ địa lí?

- A. Giới hạn ở trên là nơi tiếp giáp với tầng ô dôn.
- B. Giới hạn dưới của đại dương đến nơi sâu nhất.
- C. Ranh giới trùng hoàn toàn với lớp vỏ Trái Đất.
- D. Ranh giới có sự trùng hợp với toàn sinh quyển.

Câu 22: Biểu hiện rõ rệt của quy luật địa ô là sự thay đổi theo kinh độ của

- A. thổ nhưỡng.
- B. địa hình.
- C. thực vật.
- D. sông ngòi.

Câu 23: Nhận định nào sau đây không đúng với các khối khí?

- A. Các khối khí ở vĩ độ khác nhau có tính chất khác nhau.
- B. Khối khí ở đại dương khác với khối khí ở trên lục địa.
- C. Nguồn nhiệt ẩm quy định tính chất của các khối khí.

D. Tính chất của các khối khí luôn ổn định khi di chuyển.

Câu 24: Nguyên nhân sinh ra các dòng biển trên các đại dương thế giới chủ yếu là do

A. sức hút của Mặt Trăng.

B. sức hút của Mặt Trời.

C. các gió thường xuyên.

D. địa hình các vùng biển.

Phần tự luận (4 điểm)

Câu 1 (2,5 điểm): Dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của bản thân, em hãy:

- Kể tên các nhân tố ảnh hưởng tới sự phân bố lượng mưa trên Trái Đất.

- Phân tích ảnh hưởng của các nhân tố tới lượng mưa.

.....

.....

.....

Câu 2 (1,5 điểm): Trình bày khái niệm, biểu hiện và ý nghĩa thực tiễn của quy luật địa đới. Lấy ví dụ minh họa.

.....

.....

.....

----- Hết -----

**Phần trắc nghiệm**

1.A	2.B	3.C	4.A	5.B	6.C	7.D	8.B
9.A	10.C	11.C	12.C	13.A	14.C	15.B	16.C
17.A	18.B	19.A	20.B	21.C	22.C	23.D	24.C

Câu 1: Thứ tự từ xích đạo về cực là các khối khí

- A. Xích đạo, chí tuyến, ôn đới, cực.
- B. Xích đạo, ôn đới, chí tuyến, cực.
- C. Xích đạo, cực, ôn đới, chí tuyến.
- D. Xích đạo, chí tuyến, cực, ôn đới.

Phương pháp

Nắm chắc kiến thức về khối khí

Lời giải

Mỗi bán cầu đều có bốn khối khí chính, đó là cực, ôn đới chí tuyến xích đạo.

- Khối khí bắc cực, nam cực rất lạnh với kí hiệu là A.
- Khối khí ôn đới lạnh, kí hiệu là P.
- Khối khí chí tuyến (nhiệt đới) rất nóng, kí hiệu là T.
- Khối khí xích đạo nóng ẩm kí hiệu là E.

⇒ Thứ tự từ xích đạo về cực là các khối khí: xích đạo, chí tuyến, ôn đới, cực

Đáp án A.

Câu 2: Trên Trái Đất không có khối khí nào sau đây?

- A. Chí tuyến lục địa.
- B. Xích đạo lục địa.
- C. Ôn đới lục địa.
- D. Cực lục địa.

Phương pháp

Xác định tình chất của từng khối khí.

Chú ý từ khóa “không”

Lời giải

Từng khối khí phân biệt thành kiểu hải dương (ẩm), kí hiệu là m và kiểu lục địa (khô), kí hiệu là c. Riêng khối khí xích đạo chỉ có một kiểu là khối khí hải dương, kí hiệu là Em.

⇒ Trên Trái Đất không có khối khí Xích đạo lục địa.

Đáp án B.

Câu 3: Trị số khí áp tỉ lệ

- A. nghịch với tỉ trọng không khí.
- B. thuận với nhiệt độ không khí.
- C. thuận với độ ẩm tuyệt đối.
- D. nghịch với độ cao cột khí.

Phương pháp

Trị số khí áp có thể hiểu là mức độ sức nén không khí xuống bề mặt đất, trị số khí áp cao hình thành áp cao và ngược lại.

Xác định nguyên nhân sự thay đổi khí áp từ đó chỉ ra khẳng định đúng về trị số khí áp.

Lời giải

Phân tích từng đáp án

Đáp án A sai vì trị số khí áp tỉ lệ thuận với tỉ trọng không khí, tỉ trọng khí áp giảm khí áp giảm, tỉ trọng không khí tăng khí áp tăng.

Đáp án B sai vì trị số khí áp tỉ lệ nghịch với nhiệt độ không khí, nhiệt độ tăng làm không khí nở ra, tỉ trọng không khí giảm đi nên khí áp giảm và ngược lại.

Đáp án C sai vì trị số khí áp tỉ lệ nghịch với độ ẩm tuyệt đối, không khí có độ ẩm cao thì khí áp giảm và ngược lại.

Đáp án D đúng vì trị số khí áp tỉ lệ nghịch với độ cao cột khí, càng lên cao không khí càng loãng, sức nén của không khí càng giảm nên khí áp càng nhỏ

Đáp án D.

Câu 4: Khí áp tăng khi

A. nhiệt độ giảm.

B. nhiệt độ tăng.

C. độ cao tăng.

D. khô hạn giảm.

Phương pháp

Nắm chắc kiến thức về sự thay đổi khí áp, khí áp thay đổi theo nhiệt độ, độ cao, độ ẩm

Lời giải

Phân tích từng đáp án

Đáp án A đúng vì nhiệt độ giảm làm không khí co lại, tỉ trọng không khí tăng khiến khí áp tăng.

Đáp án B sai vì nhiệt độ tăng làm không khí nở ra, tỉ trọng không khí giảm đi khiến khí áp giảm.

Đáp án C sai vì càng lên cao không khí càng loãng, sức nén của không khí càng giảm nên khí áp càng nhỏ.

Đáp án D sai vì khô hạn giảm đồng nghĩa với độ ẩm tăng, độ ẩm cao thì khí áp giảm.

Đáp án A.

Câu 5: Thủy quyển là lớp nước trên Trái Đất bao gồm nước ở

A. biển, đại dương; nước ngầm, băng tuyết; nước sông, suối, hồ.

B. biển, đại dương; nước trên lục địa, hơi nước trong khí quyển.

C. sông, suối, hồ; băng tuyết, nước trong các đại dương, hơi nước.

D. sông, suối, hồ; nước ngầm; nước trong các biển và đại dương.

Phương pháp

Nắm chắc khái niệm về thủy quyển

Lời giải

Thủy quyển là lớp nước trên Trái Đất bao gồm nước ở biển, đại dương; nước trên lục địa, hơi nước trong khí quyển.

Đáp án B.

Câu 6: Sự thay đổi của lưu lượng nước sông có tính chu kì trong năm gọi là

A. dòng chảy mặt.

B. nguồn cấp nước.

C. chế độ nước.

D. lưu vực nước.

Phương pháp

Nắm chắc một số khái niệm trong chương thủy quyển

Lời giải

Sự thay đổi của lưu lượng nước sông có tính chu kì trong năm gọi là chế độ nước. (Trong phân tích chế độ nước của một con sông, người ta thường phân tích các yếu tố: tổng lưu lượng nước, mùa lũ, mùa cạn, tháng đỉnh lũ, tháng đỉnh cạn.)

Đáp án C.

Câu 7: Nguyên nhân chủ yếu tạo nên sóng biển là do

A. mưa.

B. núi lửa.

C. động đất.

D. gió.

Phương pháp

Nắm chắc nguyên nhân tạo nên sóng

Lời giải

Nguyên nhân chủ yếu tạo nên sóng biển là do gió, gió càng mạnh sóng càng lớn.

Đáp án D.

Câu 8: Dao động thủy triều lớn nhất ở trong trường hợp Mặt Trăng, Mặt Trời, Trái Đất nằm

A. vuông góc với nhau.

B. thẳng hàng với nhau.

C. lệch nhau góc 45 độ.

D. lệch nhau góc 60 độ.

Phương pháp

Xác định ảnh hưởng vị trí ba thiên thể tới mức độ dao động của nước biển (thủy triều) trong các biển và đại dương.

Lời giải

Khi ba thiên thể Mặt Trăng, Mặt Trời và Trái Đất nằm thẳng hàng, tạo nên sức hút mạnh, dao động thủy triều là lớn nhất

Đáp án B.

Câu 9: Thổ nhưỡng là lớp vật chất

A. tơi xốp ở bề mặt lục địa.

B. rắn ở bề mặt vỏ Trái Đất.

C. mềm bở ở bề mặt lục địa.

D. vụn ở bề mặt vỏ Trái Đất.

Phương pháp

Xác định khái niệm của thổ nhưỡng (đất)

Lời giải

Thổ nhưỡng là lớp vật chất tơi xốp ở bề mặt lục địa.

Đáp án A.

Câu 10: Căn cứ vào yếu tố nào sau đây để phân biệt đất với đá, nước, sinh vật, địa hình?

A. Độ ẩm.

B. Độ rắn.

C. Độ phì.

D. Nhiệt độ.

Phương pháp

Nắm chắc khái niệm của thổ nhưỡng (đất).

Lời giải

Đặc trưng của đất là độ phì, đây là yếu tố cơ bản làm căn cứ phân biệt đất với đá, nước, sinh vật, địa hình.

Đáp án C.

Câu 11: Lớp vỏ địa lí có giới hạn trùng hợp hoàn toàn với lớp vỏ bộ phận nào sau đây?

A. Khí quyển.

B. Thạch quyển.

C. Sinh quyển.

D. Thổ nhưỡng quyển.

Phương pháp

Xác định giới hạn của lớp vỏ địa lí và các bộ phận (khí quyển, thạch quyển, sinh quyển, thổ nhưỡng quyển).

Lời giải

Chiều dày của lớp vỏ địa lí khoảng 30 đến 35 km (tính từ giới hạn dưới của lớp ô – dôn đến đáy vực thẳm đại dương; ở lục địa xuống hết lớp vỏ phong hóa). Vỏ địa lí bao gồm giới hạn dưới của đại dương đến nơi sâu nhất của thủy quyển, bộ phận phía trên của thạch quyển, phần khí quyển bên dưới lớp ô – dôn và toàn bộ sinh quyển.

Đáp án C.

Câu 12: Chiều dày của vỏ địa lí khoảng từ

A. 20-25km.

B. 25-30km.

C. 30-35km.

D. 35-40km.

Phương pháp

Xác định chiều dày của lớp vỏ địa lí

Lời giải

Chiều dày của lớp vỏ địa lí khoảng 30 đến 35 km (tính từ giới hạn dưới của lớp ô – dôn đến đáy vực thẳm đại dương; ở lục địa xuống hết lớp vỏ phong hóa).

Đáp án C.

Câu 13: Quy luật địa đới là sự thay đổi có tính quy luật của các đối tượng địa lí theo

A. vĩ độ.

B. độ cao.

C. kinh độ.

D. các mùa.

Phương pháp

Nắm chắc các quy luật địa lí tự nhiên trên Trái Đất.

Lời giải

Quy luật địa đới là sự thay đổi có tính quy luật của các đối tượng địa lí theo vĩ độ.

Đáp án A.

Câu 14: Trong tự nhiên, một thành phần thay đổi sẽ dẫn đến sự thay đổi của các thành phần còn lại là biểu hiện của quy luật

A. địa đới.

B. địa ô.

C. thống nhất.

D. đai cao.

Phương pháp

Nắm chắc các quy luật địa lí tự nhiên trên Trái Đất.

Lời giải

Trong tự nhiên, một thành phần thay đổi sẽ dẫn đến sự thay đổi của các thành phần còn lại là biểu hiện của quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí.

Đáp án C.

Câu 15: Nhận định nào sau đây không đúng về hơi nước trong khí quyển?

A. Chiếm tỉ lệ tương đối nhỏ, chưa đến 1%.

B. Không thể nhìn thấy bằng mắt thường.

C. Vai trò quan trọng với khí hậu toàn cầu.

D. Phân bố không đồng đều trên Trái Đất.

Phương pháp

Chú ý từ khóa “không đúng”.

Nắm chắc kiến thức về hơi nước trong khí quyển

Lời giải

Hơi nước trong khí quyển chiếm tỉ lệ tương đối nhỏ, chưa đến 1%; có vai trò quan trọng với khí hậu toàn cầu và phân bố không đều trên Trái Đất.

⇒ Nhận định không thể nhìn thấy được bằng mắt thường là nhận định sai

Đáp án B.

Câu 16: Các vành đai áp nào sau đây được hình thành do nhiệt lực?

A. Xích đạo, chí tuyến.

B. Chí tuyến, cực.

C. Cực, xích đạo.

D. Ôn đới, chí tuyến.

Phương pháp

Các đai khí áp thường xuyên trên Trái Đất được hình thành chủ yếu do nguyên nhân nhiệt lực hoặc động lực.

Lời giải

Các vành đai áp được hình thành do nhiệt lực là xích đạo và cực.

Đáp án C.

Câu 17: Nơi nào sau đây có nhiều mưa?

A. Khu khí áp thấp.

B. Khu khí áp cao.

C. Miền có gió Mậu dịch.

D. Miền có gió Đông cực.

Phương pháp

Xác định tính chất của áp cao, áp thấp, gió Mậu Dịch, gió Đông cực.

Lời giải

Phân tích từng đáp án

Đáp án A đúng vì các khu áp thấp hút gió và tiếp tục đẩy không khí ẩm lên cao sinh ra mây, mây gặp nhiệt độ thấp sinh mưa. Các khu áp thấp thường là nơi có lượng mưa lớn trên Trái Đất.

Đáp án B sai vì các khu khí áp cao, không khí ẩm không bốc lên được, lại chỉ có gió thổi đi, không có gió thổi đến, nên mưa rất ít hoặc không có mưa.

Đáp án C sai vì gió Mậu dịch có tính chất nóng khô.

Đáp án D sai vì gió Đông cực có tính chất lạnh khô.

Đáp án A.

Câu 18: Ở miền khí hậu nóng, nhân tố chủ yếu tác động đến chế độ nước sông là

- A. nước ngầm.
- B. chế độ mưa.
- C. địa hình.
- D. thực vật.

Phương pháp

Xác định nguồn cung cấp nước chủ yếu cho các sông ở miền khí hậu nóng ẩm.

Lời giải

Ở miền khí hậu nóng, nhân tố chủ yếu tác động đến chế độ nước sông là chế độ mưa.

Đáp án B.

Câu 19: Nguyên nhân gây ra thủy triều là do

- A. sức hút của Mặt Trăng, Mặt Trời.
- B. sức hút của hành tinh ở thiên hà.
- C. hoạt động của các dòng biển lớn.
- D. hoạt động của núi lửa, động đất.

Phương pháp

Nắm chắc các kiến thức về thủy triều

Lời giải

Nguyên nhân gây ra thủy triều là do sức hút của Mặt Trăng, Mặt Trời.

Đáp án A.

Câu 20: Nhận định nào sau đây đúng nhất với sinh quyển?

- A. Thực vật không phân bố đều trong toàn bộ chiều dày của sinh quyển.
- B. Sinh vật không phân bố đều trong toàn bộ chiều dày của sinh quyển.
- C. Vi sinh vật không phân bố đều trong toàn bộ chiều dày của sinh quyển.
- D. Động vật không phân bố đều trong toàn bộ chiều dày của sinh quyển.

Phương pháp

Nắm chắc kiến thức về sinh quyển.

Sinh vật bao gồm thực vật, động vật và vi sinh vật

Lời giải

Sinh vật không phân bố đều trong toàn bộ chiều dày của sinh quyển là nhận định đúng.

Đáp án B.

Câu 21: Nhận định nào sau đây không đúng với lớp vỏ địa lí?

- A. Giới hạn ở trên là nơi tiếp giáp với tầng ô dôn.
- B. Giới hạn dưới của đại dương đến nơi sâu nhất.
- C. Ranh giới trùng hoàn toàn với lớp vỏ Trái Đất.
- D. Ranh giới có sự trùng hợp với toàn sinh quyển.

Phương pháp

Xác định từ khóa: “không đúng”, “lớp vỏ địa lí”.

Lời giải

Chiều dày của lớp vỏ địa lí khoảng 30 đến 35 km (tính từ giới hạn dưới của lớp ô – dôn đến đáy vực thẳm đại dương; ở lục địa xuống hết lớp vỏ phong hóa). Vỏ địa lí bao gồm giới hạn dưới của đại dương đến nơi sâu nhất

của thủy quyển, bộ phận phía trên của thạch quyển, phần khí quyển bên dưới lớp ô – dôn và toàn bộ sinh quyển.

Đáp án C.

Câu 22: Biểu hiện rõ rệt của quy luật địa ô là sự thay đổi theo kinh độ của

- A. thổ nhưỡng.
- B. địa hình.
- C. thực vật.
- D. sông ngòi.

Phương pháp

Nắm chắc kiến thức về các quy luật địa lí trên Trái Đất.

Lời giải

Biểu hiện rõ rệt của quy luật địa ô là sự thay đổi theo kinh độ của thực vật.

Đáp án C.

Câu 23: Nhận định nào sau đây không đúng với các khối khí?

- A. Các khối khí ở vĩ độ khác nhau có tính chất khác nhau.
- B. Khối khí ở đại dương khác với khối khí ở trên lục địa.
- C. Nguồn nhiệt ẩm quy định tính chất của các khối khí.
- D. Tính chất của các khối khí luôn ổn định khi di chuyển.

Phương pháp

Chú ý từ khóa “đúng”.

Lời giải

Mỗi bán cầu đều có bốn khối khí chính, đó là cực, ôn đới chí tuyến xích đạo.

- Khối khí bắc cực, nam cực rất lạnh với kí hiệu là A.
- Khối khí ôn đới lạnh, kí hiệu là P.
- Khối khí chí tuyến (nhiệt đới) rất nóng, kí hiệu là T.
- Khối khí xích đạo nóng ẩm kí hiệu là E.

Từng khối khí phân biệt thành kiểu hải dương (âm), kí hiệu là m và kiểu lục địa (khô), kí hiệu là c. Riêng khối khí xích đạo chỉ có một kiểu là khối khí hải dương, kí hiệu là Em.

⇒ Nhận định không đúng là Tính chất của các khối khí luôn ổn định khi di chuyển.

Đáp án D.

Câu 24: Nguyên nhân sinh ra các dòng biển trên các đại dương thế giới chủ yếu là do

- A. sức hút của Mặt Trăng.
- B. sức hút của Mặt Trời.
- C. các gió thường xuyên.
- D. địa hình các vùng biển.

Phương pháp

Xác định nguyên nhân sinh ra dòng biển

Lời giải

Nguyên nhân sinh ra các dòng biển trên các đại dương thế giới chủ yếu là do các gió thường xuyên.

Đáp án C.

Phần tự luận

CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
1	<p>* Các nhân tố ảnh hưởng tới sự phân bố lượng mưa trên Trái Đất: khí áp, gió, frông, dòng biển và địa hình.</p> <p>* Ảnh hưởng của các nhân tố tới lượng mưa</p> <p>- Khí áp</p> <p>+ Ở các khu áp thấp, không khí bị hút vào giữa và đẩy lên cao ngưng tụ tạo thành mây và gây mưa. Ở xích đạo và ôn đới là những nơi có áp thấp nên mưa nhiều.</p> <p>+ Ở các khu áp cao, chỉ có gió thổi đi không có gió thổi đến nên mưa rất ít hoặc không có mưa. Ở cực và chí tuyến đều là những nơi có áp cao nên mưa ít.</p> <p>- Gió: Ở những nơi có gió từ biển thổi vào hoặc có hoạt động của gió mùa thường có mưa lớn. Ở những nơi chịu ảnh hưởng của Tín phong thường mưa ít.</p> <p>- Frông</p> <p>+ Frông là mặt tiếp xúc của hai khối khí có nguồn gốc và tính chất vật lí khác nhau, nơi không khí bị nhiễu loạn và sinh ra mưa.</p> <p>+ Dọc các frông nóng cũng như frông lạnh, không khí nóng bị đẩy lên cao tạo thành mây và gây mưa, đó là mưa frông.</p> <p>+ Các khối khí nóng ẩm trong vùng nội chí tuyến tiếp xúc với nhau tạo thành dải hội tụ nhiệt đới, gây mưa lớn, đó là mưa dải hội tụ. Lượng mưa dải hội tụ lớn hơn rất nhiều so với mưa frông.</p> <p>- Dòng biển</p> <p>+ Những nơi có dòng biển nóng chảy qua có mưa nhiều vì phía trên dòng biển nóng không khí thường chứa nhiều hơi nước.</p> <p>+ Những nơi có dòng biển lạnh chảy qua có mưa ít vì phía trên dòng biển lạnh, không khí lạnh nên hơi nước không bốc lên được.</p> <p>- Địa hình</p> <p>+ Cùng một sườn núi nhưng lượng mưa lại không giống nhau theo độ cao.</p> <p>+ Ở vùng nhiệt đới và ôn đới, càng lên cao nhiệt độ càng giảm, mưa càng nhiều, tới một độ cao nào đó sẽ không còn mưa do độ ẩm không khí đã giảm nhiều nên ở các sườn núi cao hoặc đỉnh núi thường ít mưa.</p>	<p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,25</p> <p>0,5</p> <p>0,25</p>

	+ Cùng một dãy núi, lượng mưa khác nhau giữa sườn đón gió ẩm và sườn khuất gió.	0,5
2	<p>- Khái niệm: Quy luật địa đới là quy luật về sự thay đổi của các thành phần tự nhiên và cảnh quan địa lí theo vĩ độ (từ xích đạo về hai cực).</p> <p>- Biểu hiện của quy luật: Quy luật địa đới là quy luật phổ biến của vỏ địa lí, được thể hiện qua các yếu tố và thành phần tự nhiên.</p> <p>+ Sự phân bố các vòng đai nhiệt trên Trái Đất</p> <p>+ Các đai khí áp, các đới gió và lượng mưa trên Trái Đất: Khí áp và gió thường xuyên trên Trái Đất cũng được phân bố theo các đai khí áp và các đới gió từ xích đạo về hai cực. Lượng mưa có sự khác nhau giữa vùng xích đạo, chí tuyến, ôn đới và cực.</p> <p>+ Các đới khí hậu: Khí hậu được hình thành do tác động của bức xạ mặt trời, hoàn lưu khí quyển và bề mặt đệm. Bức xạ mặt trời và hoàn lưu khí quyển là các yếu tố địa đới trên phạm vi rộng lớn nên tạo ra các đới khí hậu.</p> <p>+ Các nhóm đất và các kiểu thực vật chính: Sự phân bố của các thảm thực vật trên thế giới phụ thuộc nhiều vào khí hậu. Đất chịu tác động mạnh mẽ của khí hậu và sinh vật. Do vậy, sự phân bố của đất và thực vật trên lục địa cũng thay đổi từ xích đạo về hai cực.</p> <p>- Ý nghĩa thực tiễn: Hiểu biết sự phân bố các sự vật, hiện tượng tự nhiên trên Trái Đất có tính quy luật từ xích đạo về hai cực giúp con người định hướng và có các hoạt động thực tiễn phù hợp với môi trường sống.</p>	<p>0,25</p> <p>0,75</p> <p>0,5</p>